| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN EAKAR**<br>TỈNH ĐẮK LẮK | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST<br>Ngày 31/07/2024<br>"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Hoàng Long.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** ông Phan Hoài Đông - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2024 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 110/2024/TLST-HNGĐ ngày 02/04/2024 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/06/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2024 ngày 12 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Hoàng Thị P, sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn*: Ông Trương Văn L, sinh năm 1979 (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do).

Nơi cư trú: Thôn C, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hoàng Thị P trình bày:* Bà Hoàng Thị P và ông Trương Văn L sau một thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/10/2003. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống, ông Trương Văn L không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, ông L thường xuyên uống rượu về chửi bới xúc phạm và sử dụng bạo lực với bà P. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân nên bà và ông L đã sống ly thân từ tháng 7/2023 đến nay. Xét

thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy bà Hoàng Thị P đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trương Văn L.

Về con chung: Bà Hoàng Thị P và ông Trương Văn L có 03 con chung là Trương Thị Thanh T, sinh ngày 13/11/2004; Trương Thị Hồng N, sinh ngày 04/06/2008 và Trương Hoàng P1, sinh ngày 16/6/2015. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung là Trương Thị Hồng N và Trương Hoàng P1 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con. Đối với Trương Thị Thanh T, sinh ngày 13/11/2004 đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Bị đơn ông Trương Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không tham gia giải quyết vụ án. Vì vậy Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn và cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Hoàng Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà P được ly hôn với ông L. Bà P có nguyện vọng được quyền nuôi dưỡng 02 con chung là Trương Thị Hồng N và Trương Hoàng P1 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con, không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung và nợ chung.

* Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đều thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Trương Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là vi phạm các quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P, xử cho bà Hoàng Thị P ly hôn với ông Trương Văn L. Giao cho bà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là Trương Thị Hồng N và Trương Hoàng P1 cho đến khi đủ 18 tuổi; bà P không yêu cầu cấp dưỡng nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị P Tòa án xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của

Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của BLTTDS.

Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt bị đơn: Quá trình tố tụng, bị đơn ông Trương Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[**2**] Về nội dung vụ án:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trương Văn L và bà Hoàng Thị P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 27/10/2003, đây là hôn nhân hợp pháp. Theo bà P trình bày trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do cả hai bất đồng quan điểm sống, ông Trương Văn L không chịu khó làm ăn chăm lo cho gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì vậy vợ chồng đã sống ly thân từ khoảng 7/2023 đến nay, ai biết bổn phận người đó. Xét thấy, cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P có nguyện vọng được ly hôn với ông Trương Văn L.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương xác định trong thời gian chung sống tại địa phương giữa vợ chồng ông P, bà L xảy ra nhiều mâu thuẫn do ông L thiếu trách nhiệm với gia đình, ông L thường xuyên uống rượu bia và có hành động bạo lực gia đình với bà P.

Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Hoàng Thị P và ông Trương Văn L đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở. HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hoàng Thị P.

- *Về con chung:* Bà P và ông L có ba con chung là Trương Thị Thanh T, sinh ngày 13/11/2004; Trương Thị Hồng N, sinh ngày 04/06/2008 và Trương Hoàng P1, sinh ngày 16/6/2015. Bà P có nguyện vọng xin được nuôi 02 con chung là Trương Thị Hồng N và Trương Hoàng P1 đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con; đối với Trương Thị Thanh T hiện nay đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy Nguyện vọng của Bà P là hoàn toàn tự nguyện, chính đáng, không trái quy định của pháp luật. Tại văn bản ghi nhận ý kiến của con chung là Trương Thị Hồng N và Trương Hoàng P1 đều có nguyện vọng được ở với bà P. Qua xác minh tại chính quyền địa phương thì hiện ông L thường xuyên đi làm xa, không đảm bảo điều kiện nuôi con và con chung vẫn đang sống ổn định cùng bà P, hiện tại bà P có đủ điều kiện để chăm lo cuộc sống, giáo dục con chung. Mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án ông L không đến Tòa án để tham gia tố tụng nên Tòa án không nắm bắt được nguyện vọng nuôi con của ông L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi ích về mọi mặt của

con chung, đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, giao con chung là Trương Thị Hồng N và Trương Hoàng P1 cho bà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện nguyên đơn bà Hoàng Thị P yêu cầu ông Trương Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với Trương Thị Hồng N và Trương Hoàng P1 mỗi tháng 4.000.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, bà P thay đổi không yêu cầu ông L phải cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với con chung là Trương Thị Thanh T, sinh ngày 13/11/2004 hiện nay đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[**3**] Về án phí: Nguyên đơn bà Hoàng Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của uỷ ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị P.

**1.** Về quan hệ hôn nhân: bà Hoàng Thị P được ly hôn với ông Trương Văn L.

**2.** Về con chung: Giao con chung là Trương Thị Hồng N, sinh ngày 04/06/2008 và Trương Hoàng P1, sinh ngày 16/6/2015 cho bà Hoàng Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với con chung là Trương Thị Thanh T, sinh ngày 13/11/2004 hiện nay đã đủ 18 tuổi và sống tự lập nên không đề cập giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Ông Trương Văn L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Trương Văn L không được lạm dụng việc thăm nom con chung

để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc tranh nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

**3.** *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

**4.** Về án phí: Bà Hoàng Thị P phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà P đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tiền số AA/2023/0000280 ngày 01/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện EaKar.

**5.** Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***
*-TAND tỉnh ĐắkLắk;*
*-VKSND huyện EaKar;*
*-THADS huyện EaKar;*
*-UBND xã E, huyện E;*
*-Đương sự;*
*-Lưu HS.*

**(Đã ký)**

**Hoàng Long**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**
*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Hoàng Long**